# **THUYẾT MINH XÂY DỰNG DỰ THẢO**

**Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải**

**(thay thế Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018**

**của Bộ trưởng Bộ GTVT)**

*(Kèm theo văn bản số 852/ĐKVN-PC-KHCN ngày 22 tháng 3 năm 2022)*

1. **Tên văn bản:**

“Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải”.

1. **Sự cần thiết xây dựng, ban hành Thông tư:**

 Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30/7/2018 quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (GTVT) đã được ban hành gần 4 năm theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá và Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ. Thông tư ra đời đã làm rõ các đối tượng sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 mà Bộ GTVT cần kiểm soát, góp phần nâng cao an toàn trong công tác kiểm tra, kiểm định an toàn chất lượng phương tiện giao thông vận tải.

 Đến nay, các quy định trong các văn bản liên quan đã hoặc đang có sự sửa đổi, bổ sung (Nghị định 132/2008/NĐ-CP, Thông tư số 65/2017/TT-BTC) cũng như có các quy định mới về hỗ trợ doanh nghiệp, các đơn vị kinh doanh, nhập khẩu, sản xuất lắp ráp trong bối cảnh hội nhập quốc tế, dẫn đến việc cần phải rà soát lại danh mục, xem xét lại các quy định đối với các văn bản tương ứng cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

 Vì vậy, việc xây dựng, ban hành Thông tư quy danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (thay thế Thông tư số 41/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 07 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GTVT) là cần thiết nhằm:

- Rà soát, bổ sung, loại bỏ sản phẩm, hàng hóa thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ GTVT theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 và triển khai thực hiện Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

- Cập nhật mã HS để phù hợp với Quy định hiện hành của Bộ Tài chính về Ban hành Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ về phê duyệt Danh mục AHTN 2022).

- Cần thiết quy định lại các nguyên tắc chứng nhận, công bố theo quy định:

Đối với sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu phải chứng nhận, công bố phù hợp với quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Thời điểm chứng nhận, công bố hợp quy được thực hiện sau khi thông quan và trước khi đưa ra thị trường.

 Đối với phụ tùng nhập khẩu có số lượng ít, không đủ để lấy mẫu thử nghiệm theo quy định, được công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân nhập khẩu trên cơ sở chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất trình cho cơ quan hải quan bản Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan kiểm tra.

 - Đối với sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước phải được chứng nhận, công bố hợp quy phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng trước khi đưa ra thị trường.

 Việc thực hiện đánh giá hợp quy, chứng nhận hợp quy và tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm hàng hóa phải do Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và chứng nhận.

1. **Căn cứ pháp lý**

 - Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;

 - Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

 - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/ 12/2008 của Chính phủ;

 - Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường.

 - Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/05/2020 của Chính phủ Ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

 - Quyết định số 1977/QĐ-TTg ngày 24/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

1. **Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư quy định về:

- Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;

- Mã hàng hóa (HS) đối với Danh mục sản phẩm, hàng hóa.

1. **Đối tượng áp dụng**

 Thông tư áp dụng đối với:

* Các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh, thiết kế, thi công, xây dựng các sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải;
* Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quản lý, đánh giá chất lượng sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.
1. **Bố cục của văn bản**

Thông tư được bố cục gồm 7 Điều, 2 Phụ lục, cụ thể như sau:

**THÔNG TƯ**

**Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải**

*Căn cứ Luật Đường bộ số....ngày......;*

*Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;*

*Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/ 12/2008 của Chính phủ;*

*- Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;*

*Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Nguyên tắc quản lý danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải

Điều 4. Nguyên tắc áp dụng

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Điều 6. Trách nhiệm thi thành

Điều 7. Tổ chức thực hiện

PHỤ LỤC I: DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN TRƯỚC THÔNG QUAN (ĐỐI NHẬP KHẨU), TRƯỚC KHI ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG (ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, LẮP RÁP)

- Cắt giảm 02 sản phẩm, hàng hóa khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước khi thông quan (đối với nhập khẩu); trước khi đưa ra thị trường (đối với sản xuất, lắp ráp) để phù hợp với quy định của Luật đường bộ sau khi được ban hành.

- Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển 14 sản phẩm, hàng hóa từ danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận trước thông quan sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy.

Chi tiết các sản phẩm cắt giảm theo Phụ lục 1 đính kèm.

PHỤ LỤC II: DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN HOẶC CÔNG BỐ HỢP CHUẨN HỢP QUY

Cắt giảm 34 sản phẩm, hàng hóa khỏi danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn hợp quy.

Bổ sung thêm các sản phẩm chuyển từ Phụ lục 2 sang,

Chi tiết các sản phẩm cắt giảm theo Phụ lục 2 đính kèm.

PHỤ LỤC 1

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN TRƯỚC THÔNG QUAN (ĐỐI VỚI NHẬP KHẨU), TRƯỚC KHI ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG**

**(ĐỐI VỚI SẢN XUẤT, LẮP RÁP)**

| **TT** | **Tên sản phẩm, hàng hóa** | **Quy chuẩn/ Tiêu chuẩn** | **Mã số HS** | **Văn bản điều chỉnh** | **Phương án cắt giảm** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Lĩnh vực phương tiện giao thông đường bộ** |   |
| **A** | **Xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện và xe đạp máy** | QCVN 14:2015/BGTVT QCVN 68:2013/BGTVT TCVN 6211 |   |   |   |
| 1 | Xe đạp điện |   | 87.11 |   | Dự kiến cắt giảm sản phẩm, hàng hóa này bởi vì theo quy định tại Điều 3 dự thảo Luật Giao thông đường bộ (sửa đổi) thì “xe đạp điện”, “xe đạp máy” là phương tiện thô sơ |
| 2 | Xe đạp máy |   | 87.11 | TT [44/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [41/2013/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT 45/2012/TT-BGTVT |
| **B** | **Xe máy chuyên dùng** | QCVN 22:2010/BGTVT QCVN 13:2011/BGTVT TCVN 424412005 |   | TT 89/2015/TT-BGTVT |   |
| 1 | Xe nâng |   | 84.27 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 2 | Xe ủi (máy ủi) |   | 84.29 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 3 | Xe xúc (máy xúc) |   | 8429.51.00 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 4 | Xe đào (máy đào) |   | 8429.52.008430.41.00 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 5 | Xe xúc, đào (máy xúc, đào) |   | 8429.59.00 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 6 | Xe lu rung |   | 8429.40.408429.40.50 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 7 | Xe lu loại khác |   | 8429.40.90 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 8 | Xe khoan (máy khoan) |   | 8430.41.00 |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 9 | Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích) | Loại có buồng lái và buồng Điều khiển cơ cấu công tác riêng biệt |   | 8705.10.00 | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 10 | Xe cần cẩu bánh xích (cần trục bánh xích) | Loại có một buồng lái chung đặt trên phần quay vừa để Điều khiển phần di chuyển vừa để Điều khiển cơ cấu công tác |   | 8426.47.00 | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 11 | Xe thi công mặt đường |   |   | 8705.90.90 | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 12 | Xe phun bê tông |   |   |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 13 | Xe máy chuyên dùng loại khác |   |   |   | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| **II. Lĩnh vực đường sắt** |
| 1 | Đầu máy chạy điện từ nguồn điện cấp từ bên ngoài hoặc ắc quy | TCVN 9273-2012  | 86.01 | TT 29/2018/TT-BGTVT | Đơn giản thủ tục kiểm tra chuyên ngành theo hướng chuyển sang danh mục sản phẩm, hàng hóa phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy |
| 2 | Toa xe đường sắt đô thị | QCVN 15: 2018/BGTVTQCVN 18: 2018/BGTVT | 86.03 | TT 29/2018/TT-BGTVT | Chuyển sang danh mục sản phẩm hàng hoá phải chứng nhận hoặc công bố hợp chuẩn, hợp quy (Phụ lục II) do đây là đối tượng được nhập khẩu theo dự án xây dựng tuyến đường sắt đô thị, thời gian kiểm tra kéo dài, một số nội dung cần phải thực hiện khi hoàn thành xây dựng tuyến, đường thử được xây dựng riêng biệt tại Việt Nam  |

***Ghi chú:*** *Các từ viết tắt trong Phụ lục này được hiểu như sau: TT: Thông tư; TCVN: Tiêu chuẩn quố**c gia; QCVN: Quy chuẩn kỹ thuật*

**PHỤ LỤC 2**

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA PHẢI CHỨNG NHẬN HOẶC CÔNG BỐ**

**HỢP CHUẨN HỢP QUY**

| **TT** | **Tên sản phẩm, hàng hóa** | **Quy chuẩn/tiêu chuẩn** | **Mã số HS** | **Văn bản điều chỉnh** | **Phương án** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I. Lĩnh vực phương tiện giao thông đường bộ, phụ tùng**  |
| **A** | **Xe máy chuyên dùng** | QCVN 22:2010/BGTVT QCVN 13:2011/BGTVT TCVN 4244:2005 |   | TT 89/2015/TT-BGTVT |   |
| 1 | Xe cạp (máy cạp) |   | 8429.30.00 |   | Cắt giảm |
| 2 | Xe đóng cọc và nhổ cọc (máy đóng cọc và nhổ cọc) |   | 8430.10.10 |   | Cắt giảm |
| 3 | Xe quét, chà sàn (nhà xưởng) |   | 8705.90.90 |   | Cắt giảm |
| 4 | Xe quét nhà xưởng |   | 8705.90.90 |   | Cắt giảm |
| **II. Lĩnh vực sản phẩm công nghiệp dùng trong giao thông vận tải và phương tiện thăm dò khai thác trên biển (không áp dụng đối với sản phẩm dùng cho tàu và phương tiện thăm dò khai thác trên biển tạm nhập tái xuất và mang cờ nước ngoài)** |
| 1 | Kính (cho tàu thủy và thiết bị thăm dò, khai thác dầu khí biển) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT | 7007 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước SOLAS 74/78 | Cắt giảm |
| 2 | Tổ hợp máy phát (dưới 50 kVA) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 85.02 | TT 82/2014/TT-BGTVT TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74/78 | Cắt giảm |
| 3 | Máy phát (dưới 50 kVA) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 85.01 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74/78 | Cắt giảm |
| 4 | Biến áp (dưới 50 kVA) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 85.04 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74/78 | Cắt giảm |
| 5 | Thiết bị chỉ báo vòng quay chân vịt | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 90.29 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 6 | Sơn chống hà | QCVN 64:2015/BGTVT | 3208, 3209, 3210 | Công ước về kiểm soát hệ thống chống hà của tàu, 2001 | Cắt giảm |
| 7 | Sơn chống ăn mòn | QCVN 64:2015/BGTVT | 3208, 3209, 3210 | Nghị quyết MSC.215(82) của IMO về tiêu chuẩn chức năng của lớp phủ bề mặt bảo vệ dùng cho kết chứa nước biển chuyên dụng để dằn của tất cả các kiểu tàu và không gian mạn kép của tàu chở hàng rời (PSPC) | Cắt giảm |
| 8 | Lớp lót chống hà | QCVN 64:2015/BGTVT | 3208, 3209, 3210 | TT 71/2015/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 9 | Lớp lót đầu |   |   |   | Cắt giảm |
| 10 | Vật liệu phi kim | QCVN 64:2015/BGTVT | 72.06 - 72.17 | TT 71/2015/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 11 | Nhựa | QCVN 64:2015/BGTVT | 39.01 - 39.08 | TT 71/2015/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 12 | Cao su | QCVN 64:2015/BGTVT | 40.01; 40.02 | TT 71/2015/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 13 | Bình, chữa cháy (dùng bọt, bột, khí hoặc chất khác) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49.2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 8424.10.90 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 14 | Ống cứu hỏa (dùng bọt hoặc bột) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 5909.00.10 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 15 | Vòi phun (gồm kiểu mở và kiểu đóng) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT | 5909.00.10 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 16 | Dụng cụ chống mất nhiệt | QCVN 42:2012/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT | 3926 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước LSA CodeCông ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 17 | Thiết bị nhìn ban đêm | QCVN 64:2015/BGTVT | 9005 | TT 71/2015/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 18 | Cáp kéo và chằng buộc có đường kính bằng hoặc lớn hơn 10 mm (cáp phi kim loại và cáp thép) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 73.1256.07 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 19 | Bánh lái | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 7326.90.10 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT 71/2015/TT-BGTVT Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 20 | Bơm | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 84.13 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/thong-tu-44-2012-tt-bgtvt-quy-dinh-kiem-tra-chat-luong-an-toan-ky-thuat-152031.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT 55/2012/TT-BGTVT | Cắt giảm |
| 21 | Các chi tiết của động cơ diesel | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 8409 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 22 | Tổ hợp máy phát | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 04:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 85.02 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 23 | Thiết bị ngắt (cho mạch chính) | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN72:2013/BGTVT | 85.3585.36 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 24 | Đầu phun, thiết bị phun, thiết bị phun bọt xách tay, thiết bị phun bọt cố định, thiết bị phun bột xách tay và phun bột cố định | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN72:2013/BGTVT | 84.24 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-41-2013-tt-bgtvt-quy-dinh-kiem-tra-chat-luong-an-toan-ky-thuat-xe-dap-dien-212638.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 25 | Thiết bị thở | QCVN 21:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT QCVN 48:2012/BGTVT Bổ sung sửa đổi lần 1-2017 QCVN 49:2012/BGTVT QCVN 70:2014/BGTVT Sửa đổi 1:2015 QCVN 72:2013/BGTVT | 9020.00.00 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-04-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-thiet-bi-cuu-sinh-dung-cho-phuong-tien-thuy-noi-dia-278603.aspx) TT [55/2012/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 26 | Quần áo bơi, bộ quần áo bảo vệ kín | QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT | 40.15 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước SOLAS 74 LSA Code | Cắt giảm |
| 27 | Áo phao | QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 85:2015/BGTVT | 6307.20.00 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [04/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74 LSA Code | Cắt giảm |
| 28 | Đèn tự phát sáng của phao tròn | QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT | 94.05 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-71-2015-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-kiem-tra-san-pham-cong-nghiep-tau-bien-296210.aspx) Công ước SOLAS 74 LSA Code | Cắt giảm |
| 29 | Thiết bị chỉ báo vòng quay và chiều quay chân vịt | QCVN 42:2015/BGTVT QCVN 64:2015/BGTVT TCVN 6278:2003 | 90.29 | TT [11/2016/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-55-2012-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-ve-phan-cap-va-giam-sat-176786.aspx) TT [71/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-11-2016-tt-bgtvt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-phan-cap-dong-tau-bien-trang-bi-an-toan-317633.aspx) Công ước SOLAS 74 | Cắt giảm |
| 30 | Thiết bị chỉ báo tốc độ quay trở của tàu |   |   |   | Cắt giảm |

Bổ sung Ghi chú tại Phụ lục II như sau:

1. Phụ tùng nhập khẩu (tại mục E, Phục lục II của Thông tư này) có số lượng ít, được quản lý theo nguyên tắc sau:

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu được tự công bố hợp quy theo điểm a, khoản 2, Điều 3 của Thông tư này đối với phụ tùng cùng kiểu loại có tổng số mẫu (mẫu hoàn chỉnh theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng) trong lô hàng nhập khẩu không quá 50 mẫu và phải thực hiện việc đăng ký công bố hợp quy tại cơ quan kiểm tra;
- Thời gian công bố hợp quy cho lô hàng cùng kiểu loại không quá 01 (một) năm, kể từ ngày công bố.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu phụ tùng cùng kiểu loại có số lượng mẫu đáp ứng yêu cầu tối thiểu về số lượng mẫu thử nghiệm theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng với mục đích thử nghiệm để chứng nhận kiểu loại thì đăng ký thử nghiệm và cấp giấy chứng nhận.